

Số: 67/KH-BV

Hà Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH
Rà soát, đánh giá, xếp hạng lại Bệnh viện hạng I

Căn cứ Thông tư số 23/2005/TT-BYT, ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế;

Căn cứ Công văn số 529/SYT-VP, ngày 25/3/2021 của Sở Y tế Hà Giang về việc rà soát, đánh giá, xếp hạng lại các đơn vị sự nghiệp y tế năm 2021;

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá, xếp hạng lại Bệnh viện hạng I như sau:

I. Thời gian, địa điểm, số lượng.

- Thời gian: Từ ngày 29/3/2021 đến hết ngày 06/04/2021

- Địa điểm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang

II. Nội dung rà soát, đánh giá, chấm điểm lại.

Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí chức năng nhiệm vụ

Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động

Nhóm tiêu chuẩn III: Cơ cấu lao động, trình độ cán bộ

Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn, kỹ thuật

Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạng tầng, trang thiết bị

II. Phân công nhiệm vụ. (Theo bảng phân công nhiệm vụ kèm theo)

Các bộ phận tiến hành rà soát, đánh giá, xếp hạng lại Bệnh viện hạng I gồm các đồng chí có tên tại Quyết định kiện toàn Hội đồng chấm điểm số 423/QĐ-BV, ngày 24/3/2021, khoa KSNK và nộp các bằng chứng về phòng KHTH trước ngày 10/4/2021 tổng hợp báo cáo Sở Y tế Hà Giang thẩm định.

Trên đây là kế hoạch rà soát, đánh giá, xếp hạng lại Bệnh viện hạng I - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang. Yêu cầu các khoa, phòng, cá nhân có tên nghiêm túc triển khai kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ được phân công./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Hà Giang;
- Ban Giám đốc;
- Website Bệnh viện;
- Lưu VT – KHTH.

GIÁM ĐỐC



Bs CKII. Phạm Anh Văn

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

CHẤM ĐIỂM XẾP HẠNG LẠI BỆNH VIỆN HÀNG I

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 67 /KH-BV, ngày 25 tháng 3 năm 2021)

TT	TỈNH HÀ GIANG	TIÊU CHUẨN	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm năm 2016	Điểm chấm lại năm 2021	Bộ phận thực hiện
A		NHÓM TIÊU CHUẨN I: Vị trí, chức năng và nhiệm vụ	10	7		
1		Vị trí, chức năng, chỉ đạo kỹ thuật	5			
		a) Phạm vi quốc gia, khu vực (vùng, miền)	5			
		b) Phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ngành:	3	3		
		c) Phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	1			
2		Đào tạo cán bộ (là cơ sở thực hành)	2			
		a) Đại học và sau đại học	2	2		
		b) Trung học	1.5			
		c) Sơ học	1			
		d) Thực hiện tự đào tạo liên tục trong bệnh viện	0.5			
3		Nghiên cứu khoa học	3			
		a) Đề tài cấp Nhà nước:	3			
		b) Đề tài cấp bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ	2	2		
		c) Đề tài cấp cơ sở	1			
B		NHÓM TIÊU CHUẨN II: Quy mô và nội dung hoạt động	20	15.5		
1		Số giường bệnh kế hoạch	10			
		a) Từ 900 giường trở lên	10			
		b) Từ 500 đến dưới 900 giường	7	7		
		c) Từ 300 đến dưới 500 giường	5			
		d) Từ 100 đến 300 giường	3			
		e) Dưới 100 giường	1.5			
2		Công suất sử dụng giường bệnh	4			
		a) Đạt từ 85% trở lên và ngày điều trị trung bình:				
		- Dưới 7/ 11/ 14 ngày đối với BV huyện/ tỉnh/ trung ương	4	4		
		- Từ 7-8/ 11-12/ 14-15 ngày đối với BV huyện/ tỉnh/ trung ương	3			
		- Trên 8 /12 / 15 ngày đối với BV huyện /tỉnh / trung ương	2			
		b) Đạt từ 60 đến dưới 85% và ngày điều trị trung bình dưới 7 /11 /14 ngày đối với BV huyện / tỉnh /trung ương	1.5			
		c) Không đáp ứng các tiêu chuẩn a, b trên	1			
3		Tỷ lệ người bệnh nội trú thuộc đối tượng chăm sóc cấp một	3			
		a) Từ 25% số người bệnh nội trú trở lên	3	3		
		b) Từ 15 đến 24% số người bệnh nội trú	2			
		c) Dưới 15% số người bệnh nội trú	1.5			
		d) Dưới 10% số người bệnh nội trú	1			
4		Tổ chức chăm sóc người bệnh	3			
		a) Từ 50% số khoa trở lên tổ chức chăm sóc toàn diện	3			
		b) Dưới 50% số khoa tổ chức chăm sóc toàn diện	1.5	1.5		
C		NHÓM TIÊU CHUẨN III: Cơ cấu lao động, trình độ cán bộ	30	27		
1		Cơ cấu lao động	5			
		a) - Đảm bảo tuyển đủ lao động theo định biên	2	2		
		- Không tuyển đủ	1			

	b) Tỷ lệ Điều dưỡng trên 1 Bác sỹ ở các khoa lâm sàng				
	- Từ 2 trở lên	2	2		
	- Dưới 2	1			
	c) Tỷ lệ cán bộ chuyên môn của khu vực lâm sàng, cận lâm sàng và dược				
	- Từ 75% tổng số cán bộ, viên chức trở lên	1	1		
	- Dưới 75% tổng số cán bộ, viên chức	0.5			
2	Giám đốc	3			
	a) Trình độ chuyên môn sau đại học; có bằng chính trị cử nhân, cao cấp hay trung cấp; có chứng chỉ về quản lý hành chính hoặc quản lý BV; ngoại ngữ trình độ C trở lên	3	3		CNDD. Lan TP.TCCB
	b) Không đáp ứng tiêu chuẩn trên	2			
3	Các Phó giám đốc	2			
	a) 100% có trình độ chuyên môn sau đại học; có bằng chính trị cử nhân, cao cấp hay trung cấp; có bằng/ chứng chỉ về quản lý hành chính, quản lý BV; ngoại ngữ trình độ C trở lên	2	2		CNDD. Lan TP.TCCB
	b) Không đáp ứng các tiêu chuẩn trên	1			
4	Các trưởng phòng và phó trưởng phòng	4			
	a) Từ 50% trở lên có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	2	2		
	- Dưới 50% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	1.5			
	- Không đáp ứng các tiêu chuẩn trên	1			
	b) Từ 20% trở lên có bằng/ chứng chỉ về quản lý hành chính hay quản lý bệnh viện:	1	1		CNDD. Lan TP.TCCB
	- Dưới 20% có bằng/ chứng chỉ về quản lý hành chính hay quản lý bệnh viện	0.5			
	c) Từ 20% trở lên có bằng/ chứng chỉ chính trị trung cấp hoặc cao hơn	0.5	0.5		
	d) Từ 20% trở lên có bằng/ chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hoặc cao hơn	0.5	0.5		
5	Các trưởng khoa và phó trưởng khoa	4			
	a) Từ 60% trở lên có trình độ Tiến sĩ/ Chuyên khoa 2, còn lại là đại học	3			
	- Dưới 60% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	2	2		CNDD. Lan TP.TCCB
	- 100% có trình độ đại học	1			
	b) Từ 60% trở lên có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hay cao hơn	1	1		
	- Dưới 60% trở lên có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hay cao hơn	0.5			
6	Điều dưỡng/ Nữ hộ sinh/ Kỹ thuật viên trưởng các khoa lâm sàng	4			
	a) Từ 15% trở lên có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học	3	3		
	- Dưới 15% có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học	2			
	- 100% có trình độ trung học	1			
	b) Từ 30% trở lên có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hay cao hơn	1	1		CNDD. Lan TP.TCCB
	- Dưới 30% có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hay cao hơn	0.5			
7	Các thầy thuốc điều trị ở các khoa lâm sàng	4			
	a) Trên 50% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	3			
	- Từ 20% đến 50% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	2	2		
	- Dưới 20% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	1.5			
	- Các trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn trên	1			
	b) Từ 60% trở lên có bằng/ chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hoặc cao hơn	1	1		CNDD. Lan TP.TCCB
	- Dưới 60% có bằng/ chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hoặc cao hơn	0.5			
8	Điều dưỡng, Nữ hộ sinh, Kỹ thuật viên thực hành ở các khoa lâm sàng	4			
	a) Từ 10% trở lên có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học	3			
	- Dưới 10% có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học	2	2		CNDD. Lan TP.TCCB

	- 100% có trình độ trung học	1.5			
	- Các trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn trên	1			
	b) Từ 30% trở lên có bằng/ chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên	1	1		
	- Dưới 30% có bằng/ chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên	0.5			
D	NHÓM TIÊU CHUẨN IV: Khả năng chuyên môn, kĩ thuật	20	20		
1	Xét nghiệm huyết học	2			
	a) Thực hiện được đầy đủ các xét nghiệm thuộc chuyên khoa	2	2		Ths.Nghĩa TP.KHTH
	b) Không đầy đủ	1			
2	Xét nghiệm hoá sinh	2			
	a) Thực hiện được đầy đủ các xét nghiệm thuộc chuyên khoa	2	2		Ths.Nghĩa TP.KHTH
	b) Không đầy đủ	1			
3	Xét nghiệm vi sinh	2			
	a) Thực hiện được đầy đủ các xét nghiệm thuộc chuyên khoa	2	2		Ths.Nghĩa TP.KHTH
	b) Không đầy đủ	1			
4	Chẩn đoán hình ảnh	2			
	a) Thực hiện được đầy đủ các xét nghiệm thuộc chuyên khoa	2	2		Ths.Nghĩa TP.KHTH
	b) Không đầy đủ	1			
5	Chẩn đoán giải phẫu bệnh	2			
	a) Thực hiện sinh thiết và xét nghiệm vi thể	2	2		Ths.Nghĩa TP.KHTH
	b) Thực hiện khám nghiệm tử thi khi người bệnh tử vong	1			
6	Phẫu thuật, thủ thuật	5			
	a) Thực hiện được tất cả các loại phẫu thuật, thủ thuật	5	5		Ths.Nghĩa TP.KHTH
	b) Thực hiện các phẫu thuật, thủ thuật từ Loại 1 trở xuống	4			
	c) Thực hiện các phẫu thuật, thủ thuật từ Loại 2 trở xuống	3			
	d) Chỉ thực hiện các phẫu thuật, thủ thuật Loại 3	1			
7	Chẩn đoán, điều trị	5			
	a) Tiếp nhận, chẩn đoán và điều trị tất cả các bệnh theo các chuyên khoa	5	5		Ths.Nghĩa TP.KHTH
	b) Còn một số bệnh chuyên khoa sâu phải chuyển các BV tuyến TW	4			
	c) Hầu hết các bệnh chuyên khoa phải chuyển các BV tuyến trên (tuyến tỉnh, tuyến TW)	3			
	d) Chỉ điều trị các bệnh thông thường, còn lại hầu hết phải chuyển tuyến trên (tuyến tỉnh, tuyến TW)	1			
E	NHÓM TIÊU CHUẨN V: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị	20	20		
1	Nhà xây cấp II trở lên; Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng, đảm bảo cơ cấu, dây truyền hoạt động; <i>- Không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trên</i>	5 3	5		CNĐH.Quy TP.HCQT
2	Khu kỹ thuật (phòng mổ, hồi sức, phòng đẻ, phòng thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật, phòng X quang...) đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng <i>-Không đáp ứng đầy đủ</i>	2 1	2		CNĐH.Quy TP.HCQT
3	Đảm bảo điều kiện và tiện nghi tại các khoa, buồng bệnh: - Có nước sạch, có công trình vệ sinh đảm bảo - Khoa GSCC, Phòng đẻ, Phòng phẫu thuật, thủ thuật, Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh có điều hoà nhiệt độ - Phòng HSCC, Phòng đẻ, Phòng phẫu thuật có phương tiện gọi trực khẩn cấp - Đủ phương tiện chiếu sáng, có đủ quạt máy tại các buồng bệnh <i>- Không đầy đủ các tiêu chí trên</i>	2 1	2		CNĐH.Quy TP.HCQT
4	Có hệ thống điện ưu tiên, an toàn, có máy phát điện dự trữ	1	1		CNĐH.Quy

5	Đường giao thông nội bộ đảm bảo vệ sinh, an toàn và thuận lợi khi vận chuyển	1	1		TP.HCQT
6	Đảm bảo cung cấp đủ nước sạch	1	1		
7	Có thống xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng toàn bệnh viện đang hoạt động	1	1		CNDD.Điệp TK.KSNK
8	Có ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên môn, quản lý, thống kê bệnh tật	1	1		CNĐH.Cường TP.CNTT&TT
9	Có khoa chống nhiễm khuẩn và thực hiện sấy hấp tiệt khuẩn tập trung toàn bệnh viện	1	1		CNDD.Điệp TK.KSNK
10	Trang thiết bị y tế:				Ths.Tuấn TP.VTTBYT
	- Đảm bảo đủ theo danh mục quy định đối với loại bệnh viện	5	5		
	- Không đầy đủ theo danh mục	3			
TỔNG ĐIỂM		100	89.5		